BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 17 /2018/TT-BGTVT	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
	Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2018

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 1364
Ngày: 16/4/18
Chuyển: KT

THÔNG TƯ

Quy định quản lý và khai thác thông tin nhận dạng tự động của tàu thuyền

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định quản lý và khai thác thông tin nhận dạng tự động của tàu thuyền.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định quản lý và khai thác thông tin nhận dạng tự động của tàu thuyền được quy định phải lắp đặt thiết bị AIS hoạt động trong vùng nước cảng biển, tuyến vận tải ven biển, tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo và vùng nước cảng, bến thủy nội địa, đường thủy nội địa nằm trong phạm vi thu nhận bản tin AIS của trạm bờ AIS.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài liên quan đến việc quản lý và khai thác thông tin nhận dạng tự động của tàu thuyền được quy định tại Điều 1 của Thông tư này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tàu thuyền là tàu biển, phương tiện thủy nội địa được quy định phải lắp đặt thiết bị AIS theo quy định tại Điều 1 của Thông tư này.

2. AIS là Hệ thống nhận dạng tự động (Automatic Identification System). Hệ thống này bao gồm các thành phần cơ bản sau:

a) Thiết bị AIS là thành phần kỹ thuật được lắp đặt trên tàu thuyền, có chức năng thu phát bản tin AIS;

b) Trạm bờ AIS là thành phần kỹ thuật được lắp đặt trên bờ, có chức năng thu nhận bản tin AIS được phát ra từ các thiết bị AIS; xử lý, lưu trữ tạm thời và truyền về trung tâm dữ liệu AIS; phát thông tin tới các thiết bị AIS (nếu có);

c) Trung tâm dữ liệu AIS là thành phần kỹ thuật trên bờ, có chức năng thu nhận bản tin AIS từ trạm bờ AIS; lưu trữ, xử lý và cung cấp thông tin AIS cho người sử dụng thông qua môi trường mạng Internet.

3. Bản tin AIS là thông tin mã hóa được phát ra từ thiết bị AIS. Bản tin AIS bao gồm các thông tin cơ bản: Mã nhận dạng của tàu thuyền, tên tàu thuyền, số IMO (nếu có), hô hiệu (nếu có), kiểu tàu thuyền, kích thước tàu thuyền (chiều dài, chiều rộng), vị trí, tốc độ và hướng đi của tàu thuyền.

4. Thông tin AIS là thông tin được xử lý và cung cấp bởi trung tâm dữ liệu AIS bao gồm các thông tin cơ bản: Mã nhận dạng của tàu thuyền, tên tàu thuyền, số IMO (nếu có), hô hiệu (nếu có), kiểu tàu thuyền, kích thước tàu thuyền (chiều dài, chiều rộng), vị trí, tốc độ và hướng đi của tàu thuyền.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý và khai thác thông tin AIS

1. Thông tin AIS được khai thác sử dụng cho mục đích hỗ trợ công tác bảo đảm an toàn, an ninh, điều tra tai nạn, tìm kiếm cứu nạn, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa; phòng ngừa ô nhiễm môi trường từ tàu thuyền và phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành hàng hải và đường thủy nội địa.

2. Việc quản lý và khai thác thông tin AIS phải tuân thủ các quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương II

QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC THÔNG TIN AIS

Điều 5. Quản lý việc lắp đặt và hoạt động của thiết bị AIS trên tàu thuyền

1. Thiết bị AIS được lắp đặt, cài đặt trên tàu thuyền phải có các thông tin tối thiểu quy định tại Khoản 3 Điều 3 và phải tuân thủ theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành về AIS.

2. Thiết bị AIS sau khi được lắp đặt, cài đặt và trong quá trình sử dụng trên tàu thuyền phải được kiểm tra bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định hiện hành.

3. Thiết bị AIS phải được duy trì hoạt động theo chế độ 24/7.

4. Thiết bị AIS phải được kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng định kỳ theo khuyến nghị của nhà sản xuất.

Điều 6. Yêu cầu đối với trung tâm dữ liệu AIS và trạm bờ AIS

1. Trung tâm dữ liệu AIS:

a) Trung tâm dữ liệu AIS phải có chức năng tích hợp bản tin AIS gửi về từ các trạm bờ AIS để xử lý và lưu trữ; có giao diện truy cập phù hợp để khai thác thông tin AIS qua môi trường mạng internet; có khả năng kết xuất dữ liệu;

b) Trung tâm dữ liệu AIS phải có khả năng lưu trữ dữ liệu trong thời gian tối thiểu 03 năm;

c) Trung tâm dữ liệu AIS phải được bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu.

2. Trạm bờ AIS:

a) Trạm bờ AIS phải có chức năng thu nhận trực tiếp bản tin AIS phát đi từ thiết bị AIS được lắp đặt trên tàu thuyền hoạt động trong vùng thu nhận bản tin AIS của trạm bờ AIS. Trạm bờ AIS có thể có thêm chức năng phát thông tin tới thiết bị AIS theo yêu cầu;

b) Các trạm bờ AIS phải được thiết lập thành hệ thống theo hướng bảo đảm phủ sóng toàn bộ vùng nước cảng biển, tuyến vận tải ven biển, tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo và vùng nước cảng, bến thủy nội địa, đường thủy nội địa;

c) Các trạm bờ AIS phải kết nối với trung tâm dữ liệu AIS để chuyển bản tin AIS thu được từ thiết bị AIS được lắp đặt trên tàu thuyền về trung tâm dữ liệu AIS.

Điều 7. Quản lý việc cung cấp, sử dụng thông tin AIS

1. Thông tin AIS được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu. Việc sử dụng thông tin AIS phải bảo đảm đúng mục đích theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Thông tư này.

2. Thông tin AIS được cung cấp dưới dạng cấp tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu; hoặc cung cấp trên cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử của đơn vị thực hiện cung cấp thông tin; hoặc cấp dữ liệu theo từng vụ việc cụ thể cho tổ chức, cá nhân khai thác.

3. Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam, Trung tâm Thông tin an ninh hàng hải, Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa trực thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có trách nhiệm tổ chức thực hiện cung cấp thông tin AIS theo đúng quy định tại Thông tư này.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc quản lý, khai thác và cung cấp thông tin AIS

1. Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm:

a) Tổ chức xây dựng và quản lý nhà nước đối với hoạt động của trung tâm dữ liệu AIS và trạm bờ AIS đáp ứng yêu cầu quản lý, khai thác và cung cấp thông tin AIS theo phạm vi quản lý;

b) Chỉ đạo Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam tổ chức cung cấp đầy đủ tài khoản truy cập, thông tin AIS cho các Cảng vụ hàng hải,

Trung tâm thông tin an ninh hàng hải và các cơ quan, tổ chức có liên quan khác khi có yêu cầu phục vụ mục đích nêu tại Khoản 1, Điều 4 của Thông tư này;

c) Chỉ đạo các Cảng vụ hàng hải, Trung tâm Thông tin an ninh hàng hải tổ chức quản lý, khai thác thông tin AIS phục vụ mục đích nêu tại Khoản 1 Điều 4 của Thông tư này.

2. Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có trách nhiệm:

a) Tổ chức xây dựng và quản lý nhà nước đối với hoạt động của trung tâm dữ liệu AIS và trạm bờ AIS đáp ứng yêu cầu quản lý, khai thác, cung cấp tài khoản truy cập, quản lý thông tin tài khoản truy cập và cung cấp thông tin AIS theo phạm vi quản lý;

b) Chỉ đạo các Cảng vụ đường thủy nội địa trực thuộc tổ chức quản lý, khai thác thông tin AIS phục vụ mục đích nêu tại Khoản 1, Điều 4 của Thông tư này;

c) Chủ trì xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật vận hành và bảo trì Hệ thống AIS do Cục Đường thủy nội địa Việt Nam quản lý, vận hành;

d) Quản lý và vận hành trung tâm dữ liệu AIS của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam phục vụ mục đích nêu tại Khoản 1 Điều 4 của Thông tư này.

3. Cảng vụ hàng hải có trách nhiệm:

a) Tổ chức quản lý, khai thác thông tin AIS của các tàu thuyền hoạt động trong vùng nước cảng biển, tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo theo phạm vi quản lý phục vụ mục đích nêu tại Khoản 1 Điều 4 của Thông tư này. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Thông tư này đối với các tàu thuyền được yêu cầu lắp đặt thiết bị AIS hoạt động trong phạm vi quản lý;

b) Thường xuyên sử dụng thông tin AIS để theo dõi tốc độ, hướng đi, vị trí của tàu thuyền hoạt động trong vùng nước cảng biển, tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong phạm vi quản lý;

c) Trích xuất các dữ liệu AIS, chia sẻ thông tin AIS phục vụ mục đích nêu tại Khoản 1 Điều 4 của Thông tư này theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

d) Quản lý, vận hành và bảo dưỡng trung tâm dữ liệu AIS và các trạm bờ AIS của đơn vị để thu nhận, khai thác và chia sẻ thông tin AIS của tàu thuyền hoạt động trong vùng nước cảng biển phục vụ mục đích nêu tại Khoản 1, Điều 4 của Thông tư này.

4. Cảng vụ đường thủy nội địa trực thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có trách nhiệm:

a) Tổ chức quản lý, khai thác thông tin AIS của các tàu thuyền hoạt động trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa, đường thủy nội địa theo phạm vi quản lý phục vụ mục đích nêu tại Khoản 1 Điều 4 của Thông tư này. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Thông tư này đối với các tàu thuyền được yêu cầu lắp đặt thiết bị AIS hoạt động trong phạm vi quản lý;

b) Thường xuyên sử dụng thông tin AIS để theo dõi tốc độ, hướng đi, vị trí của tàu thuyền hoạt động trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa, đường thủy nội địa trong phạm vi quản lý;

c) Trích xuất các dữ liệu AIS, chia sẻ thông tin AIS phục vụ mục đích nêu tại Khoản 1, Điều 4 của Thông tư này theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

d) Quản lý và vận hành các trạm bờ AIS để thu nhận, khai thác và chia sẻ thông tin AIS của tàu thuyền hoạt động trong phạm vi quản lý phục vụ mục đích nêu tại Khoản 1 Điều 4 của Thông tư này.

5. Trung tâm Thông tin an ninh hàng hải có trách nhiệm:

a) Tổ chức quản lý, khai thác thông tin AIS của các tàu thuyền hoạt động tuyến vận tải ven biển, tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo thuộc trách nhiệm quản lý của Cục Hàng hải Việt Nam;

b) Thường xuyên sử dụng thông tin AIS để theo dõi tốc độ, hướng đi, vị trí của cáctàu thuyền hoạt động tuyến vận tải ven biển, tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo thuộc trách nhiệm quản lý của Cục Hàng hải Việt Nam;

c) Báo cáo Cục Hàng hải Việt Nam đối với những hành vi vi phạm quy định pháp luật hàng hải của tàu thuyền;

d) Trích xuất các dữ liệu AIS, chia sẻ thông tin AIS phục vụ mục đích nêu tại Khoản 1 Điều 4 của Thông tư này theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

6. Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam có trách nhiệm:

a) Tổ chức quản lý, vận hành và bảo dưỡng trung tâm dữ liệu AIS và trạm bờ AIS của đơn vị bảo đảm hoạt động liên tục và ổn định;

b) Cung cấp tài khoản truy cập, quản lý thông tin tài khoản truy cập và cung cấp thông tin AIS cho các Cảng vụ hàng hải, Trung tâm thông tin an ninh hàng hải và các cơ quan, tổ chức có liên quan khác khi có yêu cầu phục vụ mục đích nêu tại Khoản 1 Điều 4 của Thông tư này;

c) Báo cáo thống kê về Cục Hàng hải Việt Nam việc cung cấp tài khoản truy cập, thông tin AIS theo định kỳ hàng quý hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu;

d) Xây dựng, nâng cấp phần mềm quản lý, khai thác thông tin AIS theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước để quản lý và khai thác thông tin AIS theo quy định tại Thông tư này;

đ) Trích xuất các dữ liệu AIS, chia sẻ thông tin AIS phục vụ mục đích nêu tại Khoản 1 Điều 4 của Thông tư này theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

7. Chủ tàu, chủ phương tiện và thuyền trưởng có trách nhiệm:

a) Duy trì hoạt động của thiết bị AIS lắp đặt trên tàu thuyền theo chế độ 24/7 để truyền phát bản tin AIS theo đúng chức năng thiết kế của thiết bị. Trường hợp thiết bị AIS bị hư hỏng phải thông báo ngay cho Cảng vụ hàng hải hoặc Cảng vụ

đường thủy nội địa trực thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

b) Trong trường hợp thay đổi các thông tin liên quan đến mã nhận dạng của tàu thuyền, tên tàu thuyền, số IMO (nếu có), hô hiệu (nếu có), kiểu tàu thuyền, kích thước tàu thuyền (chiều dài, chiều rộng) phải thông báo ngay cho Cảng vụ hàng hải hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa trực thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

c) Ghi nhật ký vận hành, khai thác thiết bị AIS trong nhật ký của tàu thuyền.

8. Người sử dụng thông tin AIS có trách nhiệm:

a) Bảo mật thông tin tài khoản AIS được cấp;

b) Khai thác, sử dụng thông tin AIS bảo đảm đúng mục đích nêu tại Khoản 1 Điều 4 của Thông tư này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Hiệu lực thi hành

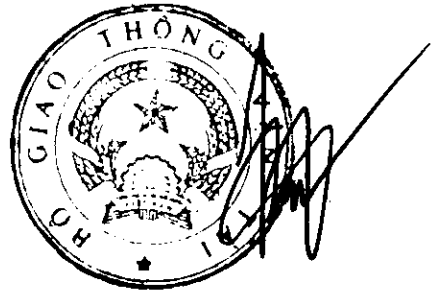
Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 10;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu: VT, KHCN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Văn Công